

Bản án số: **02/2020/KDTM-PT**

Ngày: 28-02-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng
kinh doanh thương mại
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐT

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chí Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐT tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tón - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh ĐT xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2020/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại mua bán hàng hóa*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2019/KDTM-ST, ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TM bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH thương mại SH.

Trụ sở: Tổ 5, ấp 5B, xã TX, huyện TM, ĐT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Phú H, sinh năm 1970 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Địa chỉ: Ấp 5A, xã TX, huyện TM, tỉnh ĐT.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trịnh Đức D, sinh năm: 1979; Địa chỉ: số 137/6A, đường Trần Đình Xu, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố HCM. Theo giấy ủy quyền ngày 01/8/2018 (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Nguyễn Bình N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp 5A, xã TX, huyện TM, tỉnh ĐT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu phố 3, phường 5, thị xã CL, tỉnh TG. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 27/12/2017 của Văn phòng Công chứng TM (có mặt).

2.2. Doanh nghiệp tư nhân TP.

Người đại diện theo pháp luật: Chị Nguyễn Thị Tú Y - Chủ doanh nghiệp.

Địa chỉ: Ấp 5, xã TX, huyện TM, tỉnh ĐT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu phố 3, phường 5, thị xã CL, tỉnh TG. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 06/7/2018 của Văn phòng Công chứng TM (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Tú U, sinh năm: 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Mỹ An, huyện TM, tỉnh ĐT.

Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại SH là nguyên đơn; anh Nguyễn Bình N và chị Nguyễn Thị Tú Y - Chủ doanh nghiệp tư nhân TP là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại SH ủy quyền cho anh Trịnh Đức D trình bày:** Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại SH (viết tắt Công ty TNHH thương mại SH) được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh ĐT cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 29/10/2010, ngành nghề kinh doanh “*Mua bán vật liệu xây dựng...*”. Từ năm 2010 đến năm 2015, Công ty TNHH thương mại SH có bán vật liệu xây dựng nhiều lần cho Doanh nghiệp tư nhân TP (viết tắt DNTN TP) do anh Nguyễn Bình N làm chủ Doanh nghiệp, trong quá trình giao dịch mua bán anh N có trả tiền nhiều lần. Đến ngày 25/12/2015, anh N viết biên nhận còn nợ số tiền 870.000.000 đồng, hẹn cùng ngày 25/12/2015 trả 870.000.000 đồng, nếu không trả thì chịu tiền lãi là 1,5%/tháng, nhưng anh N không thực hiện. Ngày 14/7/2016, em của anh N là chị Nguyễn Thị Tú U viết biên nhận bảo lãnh cho anh N sẽ trả 900.000.000 đồng (gồm vốn 870.000.000 đồng, lãi 30.000.000 đồng) và sẽ trả trước năm 2016, nhưng sau đó chị U cũng không thực hiện.

Công ty TNHH thương mại SH khởi kiện yêu cầu DNTN TP đại diện là chị Nguyễn Thị Tú Y, chị Nguyễn Thị Tú U và anh Nguyễn Bình N liên đới thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ mua vật liệu xây dựng vốn 870.000.000 đồng

và lãi 225.112.500 đồng, tổng cộng là 1.095.112.500 đồng. Sau đó Công ty TNHH thương mại SH rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tiền lãi và không yêu cầu đối với chị Nguyễn Thị Tú U mà chỉ yêu cầu anh Nguyễn Bình N và DNTN TP đại diện là chị Nguyễn Thị Tú Y có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ gốc là 770.000.000 đồng. Căn cứ để Công ty TNHH thương mại SH yêu cầu anh Nguyễn Bình N có nghĩa vụ liên đới trả nợ là do khi anh N chuyển Doanh nghiệp cho chị Tú Y đứng tên là không có thông báo cho Công ty TNHH thương mại SH và khi chị U bảo lãnh nợ cho anh N thì khi đó anh N là chủ DNTN TP, hiện nay Doanh nghiệp TN TP do chị Tú Y đứng tên nên họ phải chịu trách nhiệm liên đới.

*** Bị đơn anh Nguyễn Bình N ủy quyền cho anh Nguyễn Văn D1 trình bày:** Anh Nguyễn Bình N có đại diện cho DNTN TP thực hiện việc mua vật liệu xây dựng của Công ty TNHH thương mại SH thể hiện theo Bảng kê tính tiền vật liệu xây dựng và các Bảng kê tổng công nợ do Công ty TNHH thương mại SH cung cấp cho anh N, thời gian mua bán từ ngày 12/12/2012 đến ngày 25/7/2014. Sau đó ngày 25/12/2015 anh SH yêu cầu anh N viết biên nhận thừa nhận có nợ số tiền mua vật liệu xây dựng là 870.000.000 đồng, thực chất tiền vốn chỉ có 291.646.000 đồng, anh SH đã cộng tiền lãi vào nên số tiền là 870.000.000đ. Anh N không đồng ý liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của Công ty TNHH thương mại SH. Vì nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH thương mại SH đã chuyển giao cho DNTN TP do chị Nguyễn Thị Tú Y làm chủ Doanh nghiệp.

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị Tú Y - Chủ DNTN TP ủy quyền cho anh Nguyễn Văn D1 trình bày:** DNTN TP thống nhất có giao dịch mua vật liệu xây dựng của Công ty TNHH thương mại SH thể hiện theo Bảng kê tính tiền vật liệu xây dựng và các Bảng kê tổng công nợ thời gian từ ngày 12/12/2012 đến ngày 25/7/2014 (từ bút lục 42 đến bút lục 48A). Trong quá trình mua bán DNTN TP đã thanh toán nợ nhiều lần, chỉ còn nợ lại 391.646.000 đồng, đến ngày 20/7/2016 DNTN TP đã chuyển khoản trả thêm 100.000.000 đồng, nên còn nợ 291.646.000 đồng. DNTN TP chỉ đồng ý trả cho Công ty TNHH thương mại SH tiền mua vật liệu xây dựng vốn còn nợ lại là 291.646.000 đồng và trả tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 20/7/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tú U trình bày:** Chị U không đồng ý liên đới cùng anh Nguyễn Bình N và DNTN TP trả tiền nợ mua vật liệu xây dựng theo yêu cầu của Công ty TNHH thương mại SH. Vì khoảng năm 2011, chị có xây dựng nhà ở tại thị trấn Mỹ An do anh N xây dựng, anh N nói mua vật liệu xây dựng tại Công ty TNHH thương mại SH, chị chưa trả tiền công xây dựng cho anh N, do anh N chưa trả tiền vật liệu xây

dụng cho Công ty TNHH thương mại SH nên thỏa thuận chị bảo lãnh nợ cho anh N, sau đó chị có trả 100.000.000 đồng thay cho anh N bằng hình thức chuyển khoản cho Công ty TNHH thương mại SH. Nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị U không đồng ý tiếp tục bảo lãnh và liên đới trả nợ, chị U không yêu cầu anh N trả lại 100.000.000 đồng trong vụ án này do đã cản trừ nợ với anh N xong.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST, ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TM đã xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu của Công ty TNHH thương mại SH số tiền 325.112.500 đồng và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Tú U liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty TNHH thương mại SH số tiền 97.265.000 đồng.

[3] Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty TNHH thương mại SH.

[4] Buộc anh Nguyễn Bình N và DNTN TP liên đới trả Công ty TNHH thương mại SH tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu vốn 455.127.000 đồng, tiền lãi 217.608.000 đồng, tổng cộng 672.735.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

[5] Lưu hồ sơ vụ án biên nhận ghi ngày 14/7/2016, số tiền 900.000.000 đồng (bản chính).

[6] Về án phí:

Anh Nguyễn Bình N và DNTN TP liên đới nộp 30.909.000 đồng án phí Kinh doanh thương mại dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH thương mại SH phải nộp 4.863.000 đồng án phí Kinh doanh thương mại dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.426.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BO/2014 01706 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TM, hoàn trả lại anh Đình Phú H đại diện Công ty TNHH thương mại SH số tiền tạm ứng án phí 17.563.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/3/2019 anh Nguyễn Bình N đã kháng cáo một phần bản án sơ thẩm không thống nhất việc buộc anh N cùng DNTN TP liên đới trả cho Công ty TNHH thương mại SH số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ. Ngày 19/3/2019 chị Nguyễn Thị Tú Y - chủ DNTN TP đã kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền lãi chậm trả theo Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 xin trả số tiền vốn và lãi cho Công ty TNHH thương mại SH là 500.000.000 đồng. Ngày 19/3/2019 Công ty TNHH thương mại SH kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST, ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TM theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Anh Trịnh Đức D đại diện cho Công ty TNHH thương mại SH giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại SH, buộc anh Nguyễn Bình N và chị Nguyễn Thị Tú Y - Chủ DNTN TP có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 770.000.000 đồng như theo biên nhận ngày 25/12/2015. Anh D không thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của anh N vì khi giao dịch mua bán vật liệu xây dựng là do anh N thực hiện, việc chuyển giao nợ và chuyển giao quyền sở hữu DNTN TP từ anh N sang chị Tú Y đã không thông báo cho Công ty TNHH thương mại SH biết, đồng thời Công ty TNHH thương mại SH cũng không thống nhất việc chuyển giao nợ. Anh D cũng không thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của chị Tú Y do số tiền DNTN TP nợ gốc là 770.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn D1 đại diện cho anh Nguyễn Bình N giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận việc anh N không phải thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng DNTN TP trả nợ cho Công ty TNHH thương mại SH. Đồng thời yêu cầu chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Tú Y - Chủ DNTN TP thống nhất trả tiền nợ gốc và lãi cho Công ty TNHH thương mại SH với số tiền là 500.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Tú U không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (quy định về thời hạn kháng cáo). Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định tại các Điều 273, 276, 285, 286 và Điều 292 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định các Điều 293, 297, 298, 302 và Điều 305 của Bộ luật Tố tụng

dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Thư ký thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, 237 và Điều 239 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH thương mại SH và kháng cáo của anh Nguyễn Bình N; Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị Tú Y - Chủ DNTN TP; Sửa bản án sơ thẩm về tính tiền lãi do thực hiện chưa chính xác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện TM thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc “*Tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại mua bán hàng hóa*” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Bình N; chị Nguyễn Thị Tú Y - Chủ DNTN TP và Công ty TNHH thương mại SH không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Giữa Công ty TNHH thương mại SH và DNTN TP đã thực hiện giao dịch mua bán vật liệu xây dựng qua nhiều năm, đến ngày 25/7/2014 Công ty TNHH thương mại SH có lập Bảng kê tính tiền vật liệu xây dựng và các Bảng kê tổng công nợ, xác định DNTN TP còn nợ bao gồm vốn và lãi tính đến ngày 25/7/2014 là 647.040.000đ (thời gian từ ngày 12/12/2012 đến ngày 25/7/2014, từ bút lục 42 đến bút lục 48A). Đến ngày 25/12/2015, anh Nguyễn Bình N viết biên nhận còn thiếu Công ty TNHH thương mại SH số tiền 870.000.000 đồng, hẹn cùng ngày 25/12/2015 trả 870.000.000 đồng, nếu không có trả thì chịu tiền lãi 1,5%/tháng, nhưng anh N không thực hiện. Ngày 14/7/2016, em của anh N là chị Nguyễn Thị Tú U viết biên nhận bảo lãnh cho anh N sẽ trả 900.000.000 đồng (gồm tiền vốn 870.000.000 đồng và lãi 30.000.000 đồng), sẽ trả trước năm 2016. Ngày 20/7/2016 chị U chuyển khoản trả cho Công ty TNHH thương mại SH số tiền 100.000.000đ thay cho DNTN TP, còn lại 770.000.000đ thì không thực hiện nữa. Công ty TNHH thương mại SH yêu cầu anh Nguyễn Bình N và DNTN TP đại diện là chị Nguyễn Thị Tú Y có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 770.000.000đ

và rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tiền lãi số tiền 325.112.500 đồng và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Tú U liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Anh Nguyễn Bình N không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại SH liên đới cùng DNTN TP trả nợ cho Công ty TNHH thương mại SH do anh không còn là chủ DNTN TP và đã chuyển quyền sở hữu cho chị Nguyễn Thị Tú Y. Đối với chị Nguyễn Thị Tú Y là chủ DNTN TP chỉ thống nhất trả tiền nợ gốc là 299.646.000 đồng và đồng ý trả lãi chậm trả kể từ ngày 20/7/2016 theo mức lãi suất quy định tại Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 cho Công ty TNHH thương mại SH, tổng cộng gốc và lãi là 500.000.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại SH, buộc anh Nguyễn Bình N và DNTN TP liên đới trả Công ty TNHH thương mại SH tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ trên cơ sở Bảng kê tính tiền vật liệu xây dựng và các Bảng kê tổng công nợ và tiền lãi suất chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng thương mại ở địa phương tỉnh ĐT, với mức lãi suất là 1,15%/tháng là có cơ sở, vì phù hợp với Điều 306 Luật Thương mại 2005 và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do quan hệ tranh chấp là tranh chấp kinh doanh thương mại. Theo biên nhận ngày 25/12/2015 mặc dù thể hiện anh N có mua vật liệu của anh SH với số tiền 870.000.000đ, đến ngày 25/12/2015 nếu không trả hết số tiền này cho anh H phải chịu tiền lãi là 1,5%/tháng. Tuy nhiên qua đối chiếu Bảng kê tính tiền vật liệu xây dựng và các Bảng kê tổng công nợ do Công ty TNHH thương mại SH lập và giao cho anh N có thể hiện việc tính lãi là 2,5%/tháng trên nợ gốc, sau khi chốt lại số tiền còn nợ đến ngày 25/7/2014 là 647.040.000đ, nếu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất 2,5%/tháng và tính đến ngày 25/12/2015 thì tương ứng số tiền theo biên nhận ngày 25/12/2015. Nên việc anh N viết lại biên nhận ngày 25/12/2015 là bao gồm cả gốc và lãi, điều này phù hợp với lời khai của anh N, cho nên việc đại diện Công ty TNHH thương mại SH cho rằng số tiền 870.000.000đ là tiền nợ gốc không bao gồm lãi là không khách quan và không phù hợp tài liệu, chứng cứ của vụ án. Đối với việc Tòa án sơ thẩm buộc anh N cùng DNTN TP liên đới trả nợ Công ty TNHH thương mại SH là phù hợp, bởi vì vào thời điểm giao dịch mua bán hàng hóa thì anh N là chủ DNTN TP (theo Công văn số 2135/SKHĐT-ĐKKD ngày 17/9/2018 của Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh ĐT), anh N đứng ra giao dịch cho đến khi các bên tranh chấp và không còn giao dịch mua bán với nhau nữa, việc anh N chuyển giao quyền sở hữu DNTN TP cho chị Nguyễn Thị Tú Y làm chủ (ngày 13/12/2016) thì anh N đã không thông báo

cho Công ty TNHH thương mại SH biết và không được sự thống nhất của Công ty TNHH thương mại SH về chuyển giao nghĩa vụ trả nợ.

[4] Xét thấy việc tính tiền lãi và xác định nợ gốc của Tòa án cấp sơ thẩm là có sai sót, cần điều chỉnh nhằm đảm bảo tính chính xác, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho các đương sự. Cụ thể Tòa án cấp sơ thẩm xác định số ngày tính lãi tại mục 2 trang 5 của Bản án sơ thẩm từ ngày 01/02/2013 đến ngày 04/02/2013 là 34 ngày là sai mà chỉ có 03 ngày, ngoài ra còn có một số sai sót khác. Vì vậy cần điều chỉnh và được tính lại như sau:

1. Từ ngày 12/12/2012 đến ngày 31/01/2013 là 49 ngày x 558.215.000 đồng vốn x 1,15%/tháng = 10.486.000 đồng lãi, trả 200.000.000 đồng trừ 10.486.000 đồng lãi, còn lại 189.514.000 đồng, trừ vào vốn 558.215.000 đồng, còn lại 368.701.000 đồng vốn;

2. Từ ngày 01/02/2013 đến ngày 04/02/2013 là 03 ngày x 368.701.000 đồng vốn x 1,15%/tháng = 424.000 đồng lãi, trả 100.000.000 đồng trừ 424.000 đồng lãi, còn lại 99.576.000 đồng, trừ vào vốn 368.701.000 đồng, còn lại 269.125.000 đồng vốn; cộng tiền bán hàng phát sinh trong tháng 02/2013 là 67.006.000 đồng, trong tháng 3/2013 là 88.671.000 đồng và trong tháng 4/2013 là 25.225.000 đồng, tổng cộng 450.027.000 đồng vốn;

3. Từ ngày 05/02/2013 đến ngày 19/6/2013 là 134 ngày x 450.027.000 đồng x 1,15%/tháng = 23.116.300 đồng lãi, trả 300.000.000 đồng, trừ 23.116.300 đồng lãi, còn lại 276.883.700 đồng, trừ vào vốn 450.027.000 đồng, còn lại 173.143.300 đồng vốn; cộng tiền bán hàng phát sinh trong tháng 6/2013 là 167.534.000 đồng, tổng cộng 340.677.300 đồng vốn (173.143.300 đồng + 167.534.000 đồng);

4. Từ ngày 20/6/2013 đến ngày 12/8/2013 là 52 ngày x 340.677.300 đồng vốn x 1,15%/tháng = 6.790.000 đồng lãi; cộng tiền bán hàng phát sinh trong tháng 8/2013 là 36.620.000 đồng, tổng cộng 377.297.300 đồng vốn (340.677.300 đồng + 36.620.000 đồng);

5. Từ ngày 13/8/2013 đến ngày 25/01/2014 là 163 ngày x 377.297.300 đồng vốn x 1,15%/tháng = 23.574.700 đồng lãi, trả 160.000.000 đồng, trừ 23.574.700 đồng lãi, còn lại 136.425.300 đồng, trừ vào vốn 377.297.300 đồng, còn lại 240.872.000 đồng vốn; cộng tiền thuế phát sinh bên mua phải trả 36.626.000 đồng, tổng cộng 277.498.000 đồng vốn;

6. Từ ngày 26/01/2014 đến ngày 14/3/2014 là 49 ngày x 277.498.000 đồng x 1,15%/tháng = 5.212.000 đồng lãi, trả 10.000.000 đồng, trừ 5.212.000 đồng lãi, còn lại 4.788.000 đồng, trừ vào vốn 277.498.000 đồng, còn lại 272.710.000 đồng vốn;

7. Từ ngày 15/3/2014 đến ngày 25/7/2014 là 130 ngày x 272.710.000 đồng vốn x 1,15%/tháng = 13.590.000 đồng lãi; tiền bán hàng phát sinh từ ngày 15/3/2014 đến ngày 25/7/2014 là 177.240.000 đồng, tổng cộng vốn là 449.950.000 đồng (272.710.000 đồng + 177.240.000 đồng);

8. Từ ngày 26/7/2014 đến ngày 20/7/2016 là 714 ngày x 449.950.000 đồng vốn x 1,15%/tháng = 123.151.000 đồng lãi, trả 100.000.000 đồng, trừ 123.151.000 đồng, còn lại 23.151.000 đồng lãi, vốn còn lại 449.950.000 đồng;

9. Từ ngày 21/7/2016 đến ngày 06/3/2019 là 945 ngày x 449.950.000 đồng x 1,15%/tháng = 162.994.000 đồng lãi, vốn còn lại 449.950.000 đồng.

Như vậy, tiền vốn nợ là 449.950.000 đồng, tiền lãi nợ là 206.525.000 đồng (bao gồm 6.790.000 đồng + 13.590.000 đồng + 23.151.000 đồng + 162.994.000 đồng). Tổng cộng nợ vốn (gốc) và lãi là 656.475.000 đồng. Cho nên không chấp nhận số tiền 113.525.000 đồng (770.000.000 đồng - 656.475.000 đồng) theo yêu cầu của Công ty TNHH thương mại SH.

[5] Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH thương mại SH và kháng cáo của anh Nguyễn Bình N; chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị Tú Y - Chủ DNTN TP về việc điều chỉnh lại nợ lãi. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh lại việc tính tiền lãi và xác định nợ gốc như nêu trên, đồng thời sửa án phí sơ thẩm, điều luật áp dụng và cách tuyên cho phù hợp.

[4] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí: Do án sơ thẩm bị sửa nên Công ty TNHH thương mại SH; anh Nguyễn Bình N và DNTN TP không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH thương mại SH;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Bình N;

3. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Tú Y - Chủ DNTN TP;

4. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại SH đối với việc yêu cầu anh Nguyễn Bình N và Doanh nghiệp tư nhân TP liên đới trả số tiền lãi 325.112.500 đồng và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Tú U liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

4.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại SH.

Buộc anh Nguyễn Bình N và Doanh nghiệp tư nhân TP có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH thương mại SH tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu vốn là 449.950.000 đồng và tiền lãi là 206.525.000 đồng, tổng cộng 656.475.000đ (Sáu trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

4.3. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Bình N và Doanh nghiệp tư nhân TP liên đới chịu 30.259.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty TNHH thương mại SH phải chịu 5.676.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.426.000 đồng, theo biên lai thu số BO/2014 01706, ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TM, hoàn trả lại cho Công ty TNHH thương mại SH số tiền còn thừa là 16.750.000 đồng.

5. Về án phí phúc thẩm:

- Công ty TNHH thương mại SH không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số BH/2017/0007649 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TM, tỉnh ĐT.

- Anh Nguyễn Bình N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số BH/2017/0007636 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TM, tỉnh ĐT.

- DNTN TP không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số BH/2017/0007635 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TM, tỉnh ĐT.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện TM;
- Chi cục THADS huyện TM;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tấn Lợi